TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 2903/2024/DS-ST

Ngày: 26/9/2024

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Đức Khoa

2. Bà Lê Thị Kim Ngàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Oanh – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thái - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 28 tháng 8 và ngày 26 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2024/DSST ngày 08 tháng 01 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13875/2024/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16135/2024/QĐST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP S;

Địa chỉ: Lầu X, số Y đường Z, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh;

- *Bị đơn:* Bà Hoàng Ngọc Diễm M, sinh năm: 1983, Hộ chiếu: C3653333;

Hộ khẩu: 137/1 C, phường N, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ khác: 55/34 T, phường C, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, người đại diện Ngân hàng TMCP S (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) trình bày:

Ngày 08/12/2017, bà Hoàng Ngọc Diễm M có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp Thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng của Ngân hàng– các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà Hoàng Ngọc Diễm M, Ngân hàng đã đồng ý cấp Thẻ tín dụng số

436438-1447 với hạn mức sử dụng là 130.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà Hoàng Ngọc Diễm M đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 1.833.441.999 đồng.

Trong quá trình sử dụng Thẻ tín dụng, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà Hoàng Ngọc Diễm M đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 1.794.025.436 đồng. Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng của Ngân hàng cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau: Các khoản phí và/ hoặc lãi của kỳ trước; Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước; Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước; Các khoản phí và/ hoặc lãi trong kỳ; Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ; Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà Hoàng Ngọc Diễm M vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà Hoàng Ngọc Diễm M vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 18 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 16/6/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng Thẻ tín dụng và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng Thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 147.721.550 đồng làm nợ gốc và tính lãi hàng tháng trên dư nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại, lãi suất trong hạn là 2.48%/tháng X 150%= 3,72%/tháng lãi quá hạn).

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với bà Hoàng Ngọc Diễm M, yêu cầu bà Hoàng Ngọc Diễm M có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để bà Hoàng Ngọc Diễm M trả nợ, tuy nhiên bà Hoàng Ngọc Diễm M vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng TMCP S kính đề nghị Quý Tòa giải quyết những vấn đề sau đây đối với bị đơn:

1. Buộc bà Hoàng Ngọc Diễm M phải trả ngay một lần cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 26/9/2024 là 233.821.248 đồng (Bằng chữ: Hai trăm ba mươi ba triệu, tám trăm hai mươi một nghìn, hai trăm bốn mươi tám đồng) trong đó:

- Nợ gốc : 147.721.550 đồng

- Lãi quá hạn : 86.099.698 đồng

2. Và bà Hoàng Ngọc Diễm M có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 27/9/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn vắng mặt có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và bản tự khai; Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án

đúng quy định pháp luật và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn là bà Hoàng Ngọc Diễm M cư trú tại 137/1 C, phường N, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo Kết quả xác minh ngày 03 tháng 4 năm 2024 của Công an phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh thì bị đơn đã chuyển hộ khẩu thường trú về địa chỉ 55/34 T, phường C, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; Theo Kết quả xác minh ngày 05 tháng 6 năm 2024 của Công an phường Cầu Kho, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh thì bà Hoàng Ngọc Diễm M có đăng ký thường trú nhưng không thực tế cư trú tại địa chỉ 55/34 T, phường C, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Xét, bị đơn thay đổi nơi cư trú nhưng không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Luật Cư trú nên địa chỉ 55/34 T, phường C, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh được xác định là nơi cư trú cuối cùng. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Bị đơn đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa án tham gia tố tụng nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung vụ án:

Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 08/12/2017 (kèm theo bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) giữa Ngân hàng và bà Hoàng Ngọc Diễm M và các bản tóm tắt sao kê thì nguyên đơn thỏa thuận cấp cho bị đơn Thẻ tín dụng số 436438-1447 với hạn mức sử dụng là 130.000.000 đồng đúng như nguyên đơn trình bày. Việc cấp thẻ này được thực hiện theo Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S (Đơn vị phát hành thẻ) có hiệu lực từ ngày 15 tháng 8 năm 2016 và được niêm yết tại trang web của nguyên đơn. Các hợp đồng và điều khoản nêu trên có nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017 về Lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng nên có hiệu lực thi hành.

[5] Xét yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc bà Hoàng Ngọc Diễm M trả số tiền tạm tính đến ngày 26/9/2024 là 233.821.248 (Hai trăm ba mươi ba triệu tám trăm hai mươi mốt nghìn hai trăm bốn mươi tám) đồng trong đó: Nợ

gốc: 147.721.550 đồng; Lãi quá hạn: 86.099.698 đồng và bà Hoàng Ngọc Diễm M có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 27/9/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

[6] Căn cứ các tóm tắt sao kê và lời trình bày của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án thì trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, bị đơn đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 1.833.441.999 đồng và phát sinh các khoản phí thường niên, phí rút tiền mặt; phí trễ hạn và tiền lãi. Bị đơn đã thanh toán nhiều lần tổng cộng số tiền là 1.794.025.436 đồng được trừ vào các khoản phát sinh (phí, tiền lãi) và tiền giao dịch; Trong quá trình sử dụng thẻ, Bị đơn không khiếu nại các thông báo giao dịch, tiền lãi và dư nợ hàng tháng mà vẫn đóng tiền. Tháng 3 và tháng 5 năm 2023, bị đơn chỉ thanh toán 39.000 đồng, và tháng 04/2023 Bị đơn không thanh toán là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán trong 03 tháng liên tiếp. Theo Điều 23 của Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S (Đơn vị phát hành thẻ) có hiệu lực từ ngày 15 tháng 8 năm 2016, việc không thanh toán ít nhất số tiền tối thiểu của chủ thẻ cho đến kỳ phát hành thông báo tiếp theo là vi phạm hợp đồng; Trong trường hợp này, toàn bộ tổng dư nợ sẽ trở nên đến hạn ngay lập tức và chủ thẻ phải thanh toán. Theo bản khai của Nguyên đơn và Tóm tắt sao kê thì nợ gốc của thẻ tín dụng của bị đơn khi vi phạm là ngày 16/6/2023 là 151.807.008 đồng. Sau khi Ngân hàng chuyển nợ quá hạn, Bị đơn có thanh toán ngày 15/7/2023 số tiền 4.085.458 đồng, Nguyên đơn đã trừ trực tiếp số tiền thanh toán này vào nợ gốc theo quy định. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng và các hợp đồng, điều khoản do hai bên thỏa thuận yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán 147.721.550 đồng nợ gốc bao gồm các giao dịch mua hàng, rút tiền mặt, phí trễ hạn, lãi, phí vượt hạn mức, phí rút tiền, phí thường niên được tính đúng theo thỏa thuận của hai bên và quy định của pháp luật.

[7] Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bị đơn, chuyển nợ quá hạn của thẻ tín dụng từ ngày 16 tháng 6 năm 2023 và tiến hành thu hồi nợ vay là đúng theo thỏa thuận của hợp đồng; Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S (Đơn vị phát hành thẻ) có hiệu lực từ ngày 15 tháng 8 năm 2016 và Luật Các tổ chức tín dụng.

[8] Tại Quyết định số 2661/2022/QĐ-TTT ngày 28/10/2022 về ban hành biểu phí sản phẩm dịch vụ Thẻ Sacombank phát hành tại Việt Nam thì mức lãi suất của thẻ tín dụng quốc tế của Bị đơn là 2.48%/tháng; và theo Điều 23 của Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S (Đơn vị phát hành thẻ) có hiệu lực từ ngày 15 tháng 8 năm 2016 thì mức lãi suất quá hạn bằng 150% của lãi suất trong hạn là 3.72%/tháng áp dụng đối với tất cả thẻ tín dụng quốc tế nguyên đơn phát hành cho khách hàng. Xét thấy, theo quy định tại khoản 14 Điều 4 và khoản 2 Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng, Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14 tháng 4 năm 2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận thì tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức theo quy định của pháp luật. Mức lãi suất của nguyên đơn thỏa thuận với bị đơn phù hợp với các quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[9] Từ những nhận định trên, yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán 86.099.698 đồng nợ lãi quá hạn từ ngày 16/6/2023 tạm tính đến ngày 26/9/2024

là có cơ sở chấp nhận. Ngoài ra, Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ 27/9/2024 cho đến ngày trả hết nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký là có căn cứ, phù hợp với thỏa thuận của hai bên và phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên có cơ sở để chấp nhận.

[10] Về án phí sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn được chấp nhận nên Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[11] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[12] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 227, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 và khoản 2 Điều 24, khoản 1 Điều 25 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước; Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14 tháng 4 năm 2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; Các khoản 3 và 4 Điều 8, Điều 10, điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S

Buộc Bị đơn bà Hoàng Ngọc Diễm M có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền còn nợ tính đến ngày 26 tháng 9 năm 2024 của thẻ tín dụng số 436438-1447 cấp theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 08/12/2017 (kèm theo bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) gồm: Nợ gốc là 147.721.550 (Một trăm bốn mươi bảy triệu bảy trăm hai mươi mốt nghìn năm trăm năm mươi) đồng và Lãi quá hạn là 86.099.698 (Tám mươi sáu triệu không trăm chín mươi chín nghìn sáu trăm chín mươi tám) đồng, tổng cộng: 233.821.248 (Hai trăm ba mươi ba triệu tám trăm hai mươi mốt nghìn hai trăm bốn mươi tám) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp

đồng ngày 08/12/2017 và Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S (Đơn vị phát hành thẻ) có hiệu lực từ ngày 15 tháng 8 năm 2016. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi, lãi suất thì lãi, lãi suất được xác định theo thỏa thuận của các bên và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi, lãi suất có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh lãi, lãi suất.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Hoàng Ngọc Diễm M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 11.691.062 (Mười một triệu sáu trăm chín mươi mốt nghìn không trăm sáu mươi hai) đồng.

Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền 4.484.366 (Bốn triệu bốn trăm tám mươi bốn nghìn ba trăm sáu mươi sáu) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số AA/2023/0045154 ngày 05 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 1;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Minh Anh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Minh Anh